TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2019/HS-ST
Ngày 28 tháng 6 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Nhất

Bà Hoàng Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Đồng Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 80/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 05 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1977; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Số nhà 130, đường Tân Ninh, phường Trần Phú, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 6/12; Con ông: Nguyễn Văn T, (đã chết) và bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1955; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ, con: Chưa có.

- Tiền án:

+ Tại bản án số 130/2014/HSST ngày 10/7/2014, Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 02 năm 10 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", chưa chấp hành hình phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm.

+ Tại bản án số 71/2018/HSST ngày 30/5/2018, Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", ra trại ngày 04/3/2019.

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Ngày 19/8/1998, Công an thị xã Bắc Giang (nay là thành phố B) xử phạt vi phạm hành chính 200.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản.

+ Tại bản án số 125/HSST ngày 24/11/1998, Tòa án nhân dân thị xã Bắc Giang xử phạt 04 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân".

+ Tại bản án số 60/HSST ngày 10/6/1999, Tòa án nhân dân thị xã Bắc Giang xử phạt 10 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân".

+ Ngày 25/3/2000, Chủ tịch UBND phường Trần Phú, thị xã Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thời hạn 06 tháng.

+ Tại quyết định số 803/QĐ- CT ngày 18/7/2000, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục, thời hạn 24 tháng.

+ Tại bản án số 26/HSST ngày 09/12/2002, Toà án nhân dân thị xã Bắc Giang xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

+ Tại bản án số 81/HSST ngày 14/4/2005, Tòa án nhân dân thị xã Bắc Giang xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/3/2019 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt)

**** Bị hại:***

- Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1978 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Hố Dầu, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Vũ Đăng K, sinh năm 1983(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 35, đường Quang Trung, phường Trần Phú, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị Dương Thị H, sinh năm 1991(Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Chiềng, xã Liên Sơn, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

3. Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1955 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 130, đường Tân Ninh, phường Trần Phú, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 30/3/2019, Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1977 trú tại số nhà 130, đường Tân Ninh, Tổ dân phố Tân Ninh, Phường Trần Phú, thành phố B, tỉnh Bắc Giang một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave màu sơn trắng- đen- bạc biển kiểm soát 98B2-029.64 đi đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang thuộc địa bàn phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B, mục đích xem ai sơ hở thì trộm cắp tài sản. Đ dựng xe ở cổng Bệnh viện rồi một mình đi vào Khoa nội thận tiết niệu-lọc máu tại tầng 3 tòa nhà B2 Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang. Khi đi dọc hành lang của Khoa nội thận tiết niệu-lọc máu qua phòng đặt máy chạy thận, Đ nhìn qua ô cửa sổ (không có cánh cửa và không có chấn song) thì thấy anh Đỗ Văn T, sinh năm 1978; trú tại thôn Hố Dầu, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang là bệnh nhân đang nằm ngủ trên chiếc giường bệnh kê

ngay sát cửa sổ, tại vị trí đầu giường có để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Neo 7 màu trắng đang cắm tai nghe, lắp sim số thuê bao là 0812473922. Quan sát xung quanh thấy không có người qua lại và trong phòng lúc này mọi người đều đã ngủ, Đ đi đến gần cửa sổ thò hai tay qua cửa sổ rút, bỏ lại chiếc tai nghe, cầm điện thoại đút vào túi quần bên trái đang mặc rồi bỏ đi. Khi ra đến cổng Bệnh viện, Đ tháo sim trong điện thoại OPPO NEO 7 vứt đi rồi lấy xe mô tô của mình đi đến cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại di động Đăng Khoa của anh Vũ Đăng K, sinh năm 1983 ở địa chỉ số 05, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Lê Lợi, thành phố B. Tại đây, Đ đặt vấn đề muốn bán chiếc điện thoại OPPO NEO 7, Đ nói với anh Khoa điện thoại là của Đ, anh Khoa đồng ý mua và trả cho Đ 700.000 đồng. Số tiền này, Đ đã ăn tiêu cá nhân hết 210.000 đồng, còn 490.000 đồng giữ trong người.

Cùng ngày anh Đỗ Văn T có đơn trình báo Công an thành phố B. Cơ quan điều tra đã trích xuất hình ảnh camera an ninh tại khoa nội thận tiết niệu-lọc máu Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang trong đó có đoạn hình ảnh Đ vào trong Khoa nội thận tiết niệu-lọc máu Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang

Cùng ngày 30/3/2019, Nguyễn Văn Đ đã đến Công an thành phố B đầu thú giao nộp số tiền 490.000 đồng, 01 chứng minh thư nhân dân số 122017036 mang tên Nguyễn Văn Đ, 01 áo khoác màu nâu, trên ngực áo lô gô hình vuông màu trắng có chữ NOONE VIENTIANE MORE INDONESIA, 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đỏ đen có số IMEL1: 356458/06/263372/2, số IMEL2: 356458/06/263373/0 và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave màu sơn trắng- đen- bạc biển kiểm soát 98B2-029.64 có số máy: 5295981, số khung: 297390 cùng giấy đăng ký xe số 116152 mang tên Dương Thị H ở thôn Chiềng, xã Liên Sơn, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Tại Cơ quan điều tra, anh Vũ Đăng K trình bày sau khi mua chiếc điện thoại OPPO Neo 7 do Đ đem bán, anh đã bán lại cho 01 khách hàng không quen biết được 750.000 đồng. Vì vậy, Cơ quan điều tra không thu hồi được chiếc điện thoại.

Ngày 02/4/2019, Cơ quan điều tra đã xác định hiện trường và thực nghiệm điều tra vụ án. Kết quả, Nguyễn Văn Đ đã thực hiện lại hành vi trộm cắp chiếc điện thoại di động OPPO Neo 7 như đã khai tại Cơ quan điều tra.

Ngày 04/4/2019, Cơ quan điều tra tiến hành cho nhận dạng, kết quả Đ nhận dạng được anh Vũ Đăng K chính là người đã mua điện thoại OPPO NEO 7 do Đ đem bán vào sáng ngày 30/3/2019.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 37/KL-HĐĐG ngày 04/4/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Neo 7 màu trắng có giá trị là 1.200.000 đồng.

- 01 sim điện thoại Vinaphone có số thuê bao 0812473922 có giá trị là

20.000 đồng.

- 01 ốp lưng điện thoại bằng nhựa dẻo màu trắng trong có giá trị là 5.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị trộm cắp là 1.225.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị hại là anh T yêu cầu Đ phải bồi thường trị giá chiếc điện thoại là 1.225.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 15/6/2019 anh T có đơn đề nghị xin được nhận lại số tiền 490.000đồng từ bị cáo Đ đã bán chiếc điện thoại đã trộm của anh. Ngoài ra anh không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

Đối với anh Vũ Đăng K có hành vi mua điện thoại do Đ đem bán, nhưng không biết đó là tài sản do Đ phạm tội mà có, nên anh Khoa không vi phạm pháp luật.

Đối với 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B2-029.64, qua điều tra xác định được là xe Đ mượn của mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị O để sử dụng đi lại, bà Oanh không biết Đ sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Ngày 22/4/2019, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô cùng giấy đăng ký xe cho bà Oanh.

Đối với số tiền 490.000 đồng, 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn Đ, 01 áo khoác màu nâu, 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đỏ đen của Đ, Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng để xử lý theo quy định.

Tại Cơ quan điều tra Công an thành phố B bị cáo Nguyễn Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 88/CT-VKS ngày 27 tháng 05 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà bị cáo Nguyễn Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu.

- *Bị hại là anh Đỗ Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng có lời khai tại cơ quan điều tra như sau:* Khoảng 05 giờ 40 phút, ngày 30/3/2019, khi anh đang ngủ ở giường máy số 35 phòng lọc máu khoa nội thận tiết niệu- lọc máu Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang có để chiếc điện thoại OPPO NEO 7 ở trên đầu giường. Đến khoảng 06h 50 phút khi tỉnh dậy thì anh phát hiện chiếc điện thoại đã bị kẻ gian trộm cắp. Quá trình điều tra anh được biết người đã lấy trộm điện thoại của anh là Nguyễn Văn Đ, ban đầu anh T yêu cầu bị cáo Đ phải bồi thường cho anh số tiền 1.225.000đồng là giá trị tài sản bị trộm cắp. Tuy nhiên, ngày 15/6/2019 anh T có đơn đề nghị xin được nhận lại số tiền 490.000đồng từ bị cáo Đ đã bán chiếc điện thoại đã trộm của anh do Công an thu giữ từ Đ. Ngoài ra anh không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Đăng K vắng mặt tại*

phiên tòa nhưng có lời khai tại cơ quan điều tra như sau: Khoảng 8h ngày 30/3/2019 có một thanh niên đến cửa hàng điện thoại của anh đặt vấn đề muốn bán cho anh một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Neo7 màu trắng. Sau khi kiểm tra máy anh Khoa trả giá 700.000đ, người thanh niên đó đồng ý nhận tiền và giao chiếc điện thoại cho anh, khi mua anh không biết chiếc điện thoại này là tài sản trộm cắp. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, khi có khách đến hỏi mua điện thoại thì anh đã bán chiếc điện thoại Oppo Neo7 màu trắng với giá 750.000đ. Người mua chiếc điện thoại đó là một người đàn ông khoảng 40 tuổi, anh không quen biết, không biết tên tuổi địa chỉ của người đó ở đâu. Nay anh không có ý kiền, đề nghị gì.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Dương Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại cơ quan điều tra như sau*: Năm 2014, chị có mua và đăng ký chính chủ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng - đen - bạc, biển kiểm soát 98B2-029.64. Năm 2016, do không có nhu cầu sử dụng nên chị đã bán cho người khác. Khi bán chị không làm thủ tục sang tên tại cơ quan quản lý nên chị không nhớ đã bán chiếc xe trên cho ai, ở đâu. Đến nay chị Hằng xác định đã bán lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 98B2-02964 cho người khác, chị không còn quyền lợi hay có tranh chấp gì về quyền sở hữu chiếc xe nêu trên.

- *Tại phiên toà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị O trình bày như sau*: Vào khoảng tháng 8 năm 2017, bà có mua lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 98B2-029.64 của một người đàn ông tên Sơn để làm phương tiện đi lại. Do mới quen biết nên bà không biết chính xác Sơn có lai lịch như thế nào, địa chỉ ở đâu, khi mua bán cũng không lập văn bản hay giấy tờ gì. Bà có cho con trai là Nguyễn Văn Đ mượn để đi lại, bà không biết Đ sử dụng chiếc xe làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Ngày 22/4/2019, cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô cùng các giấy tờ liên quan đến chiếc xe cho bà, nay bà không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

- Đại diện Viện sát nhân dân thành phố B giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt Nguyễn Văn Đ từ 13 tháng đến 16 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 30/3/2019.

3. Về vật chứng gồm:

- Trả lại bị cáo 01 chứng minh nhân dân số 122017036 mang tên Nguyễn Văn Đ;

- Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đỏ đen có số Imeil 1 356458/06/263372/2, số Imeil 2: 356458/06/263373/0, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy 01 áo khoác màu nâu, trên ngực áo lô gô hình vuông màu trắng có chữ NOONE VIENTIANE MORE INDONESIA;

- Trả anh Đỗ Văn T số tiền 490.000đ.

4. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố B và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát cũng như Điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Đ một lần nữa đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 07 giờ ngày 30/3/2019 tại Khoa nội thận tiết niệu-lọc máu Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang, Nguyễn Văn Đ đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Neo 7 màu trắng đã qua sử dụng có giá trị 1.225.000 đồng của anh Đỗ Văn T mang đi bán. Mặc dù giá trị tài sản trộm cắp dưới 2.000.000đồng, nh□ng bị cáo đã từng bị Tòa án kết án về tội trộm cắp tài sản đến ngày 30/3/2019 là ngày bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp vẫn ch□a đ□ợc xóa án tích nên hành vi nêu trên của Nguyễn Văn Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu

tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương, gây lo lắng, bất bình trong quần chúng nhân dân. Do vậy cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì thấy: Tại bản án số 130/2014/HSST, Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt bị cáo 02 năm 10 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép ma túy", chưa được xóa án tích nay lại phạm tội do cố ý. Do vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đầu thú và trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Sau khi xem xét mọi mặt, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bản thân bị cáo là đối tượng có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị kết án và bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Trộm cắp tài sản" và "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục dấn thân vào con đường phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo, có như vậy mới đủ điều kiện để bị cáo cải sửa lỗi lầm của mình.

[7] Xét về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, không có kinh tế để thi hành tiền phạt, cho nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Xét về trách nhiệm dân sự: Sau khi trộm cắp chiếc điện thoại của anh T bị cáo mang đi bán được 700.000đồng đã tiêu sai cá nhân hết 210.000đồng, còn lại 490.000đồng bị cáo đã giao nộp lại cho cơ quan Công an, tài sản bị cáo trộm cắp là chiếc điện thoại không thu hồi được. Nay bị hại là anh T chỉ đề nghị nhận lại số tiền 490.000đồng và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Xét thấy, số tiền 490.000đồng bị cáo giao nộp cho Công an tạm giữ là tiền bị cáo bán tài sản trộm cắp của người bị hại. Do vậy, số tiền này cần được trả lại cho người bị hại là anh Đỗ Văn T.

[9] Các vấn đề khác:

[9.1] Đối với anh Vũ Đăng K có hành vi mua điện thoại do bị cáo trôm cắp đem bán, nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, nên anh Khoa không vi phạm pháp luật.

[9.2] Đối với 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B2-029.64, qua điều tra xác định được là do Đ mượn của mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị O để sử dụng đi lại, bà Oanh không biết Đ sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Ngày 22/4/2019, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô cùng giấy tờ xe cho bà

Oanh là có căn cứ.

[10] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 chứng minh nhân dân số 122017036 mang tên Nguyễn Văn Đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đỏ đen có số Imeil 1 356458/06/263372/2, số Imeil 2 356458/06/263373/0 là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ chiếc điện thoại để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 áo khoác màu nâu, trên ngực áo lô gô hình vuông màu trắng có chữ NOONE VIENTIANE MORE INDONESIA thu giữ của bị cáo là tài sản có giá trị không lớn nay bị cáo không có nguyện vọng xin lại nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với số tiền 490.000đồng mà bị cáo giao nộp khi ra đầu thú cần trả lại cho anh Đỗ Văn T như đã nhận định tại mục [8] ở trên.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 30/3/2019.

3. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 áo khoác màu nâu, trên ngực áo lô gô hình vuông màu trắng có chữ NOONE VIENTIANE MORE INDONESIA;

- Trả lại bị cáo 01 chứng minh nhân dân số 122017036 mang tên Nguyễn Văn Đ.

- Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đỏ đen có số Imeil 1 356458/06/263372/2, số Imeil 2 356458/06/263373/0, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại anh Đỗ Văn T số tiền 490.000 đồng.

(Vật chứng theo Quyết định chuyển vật chứng số 73/QĐ-VKS ngày 27/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B; Biên bản giao nhận tài sản tạm giữ ngày 05/6/2019 giữa Công an thành phố B và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B và biên lai thu tiền số: AA/2012/01277 ngày 5/6/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố B).

4. Về án phí, quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Văn Hải